**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**PHỤC VỤ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN “PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI NHẰM ĐƯA NƯỚC TA TRỞ THÀNH NƯỚC PHÁT TRIỂN VÀO NĂM 2045”**

*(Kèm theo Công văn số /BTC-VCL ngày tháng năm 2025*

*của Bộ Tài chính)*

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG BÁO CÁO

* Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
* Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
* Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
* Thông báo số 53-TB/TW ngày 30 tháng 3 năm 2019 của Ban Chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
* Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;
* Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;
* Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị.

- Các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị về định hướng phát triển một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng;

- Chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch các vùng, tỉnh, trong đó có định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng trên phạm vi quốc gia, các vùng, tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;...

**II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

*(Kết quả thực hiện phát triển kết cấu hạ tầng theo tinh thần Nghị quyết 13-NQ/TW (giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025)*

**1. Thực trạng thực hiện các nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy hoạch, cơ chế/ chính sách cụ thể về phát triển kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của địa phương**

*a) Kết quả đạt được*

1. Tình hình triển khai thực hiện các đề án, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW; Kết luận 72-KL/TW trên địa bàn.
2. Xây dựng và thực hiện chính sách huy động và sử dụng vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng
* Huy động và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho phát triển kết cấu hạ tầng.
* Các hình thức huy động vốn khác: Thị trường tín dụng trong nước cho vay đối với các dự án BOT; các chính sách về phí sử dụng dịch vụ hạ tầng; cơ chế bảo lãnh một số rủi ro (rủi ro doanh thu, rủi ro tỷ giá...) để thu hút được các nhà đầu tư và tổ chức tín dụng nước ngoài tham gia đầu tư theo hình thức PPP.
* …
1. Xây dựng và thực hiện chính sách, cơ chế khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng, đặc biệt đối với hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, giáo dục, hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao và du lịch...
2. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

*b) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân*

(1) Những khó khăn, hạn chế

2) Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

**2. Thực trạng phát triển các lĩnh vực kết cấu hạ tầng trên địa bàn**

*Hạ tầng giao thông*

* Tình hình phối hợp với các Bộ ngành liên quan triển khai xây dựng các dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia trên địa bàn:

+ Dự án nâng cấp mở rộng các quốc lộ; cao tốc Bắc – Nam (nếu có); đường Hồ Chí Minh (nếu có); tuyến đường ven biển (đối với các đtỉnh ven biển); tuyến đường biên giới phía Bắc, phía Tây, Tây Nam (đối với các tỉnh biên giới); một số tuyến giao thông hành lang kinh tế Đông – Tây (nếu có).

+ Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cảng biển (nếu có).

+ Nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa chính; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng (nếu có);

+ Đầu tư nâng cấp các cảng hàng không (nếu có).

* Thực trạng đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh theo các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng.
* Thực trạng phát triển hạ tầng giao thông địa phương: Đánh giá tình hình phát triển các loại hình giao thông (đường bộ, đường sắt đô thị, đường thuỷ nội địa, cảng biển, hàng không) thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
* Thực trạng huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông của địa phương (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng cung cấp điện*

* Thực trạng thực hiện các dự án nhà máy điện theo Quy hoạch điện quốc gia.
* Thực trạng triển khai các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện trên địa bàn, mở rộng lưới điện tới các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo.
* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng cấp điện (theo các nguồn vốn và nguồn điện) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng thuỷ lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu*

- Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

- Thực trạng triển khai các giải pháp chống ngập úng, báo cáo chi tiết tình hình thực hiện các dự án đầu tư chống ngập các thành phố lớn.

- Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thuỷ lợi, phòng chống thiên tai (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng thông tin và truyền thông*

Thực trạng phát triển mạng lưới bưu chính

Thực trạng phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số.

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông trong quản lý, vận hành, khai thác các công trình hạ tầng khác; ứng dụng thông tin trong các hoạt động kinh tế - xã hội (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số…).

- Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng đô thị*

Đánh giá tình hình triển khai thác dự án hạ tầng đô thị, trong đó tập trung vào:

* Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn tại các đô thị lớn.
* Chương trình phát triển nhà ở xã hội tại các tỉnh, thành phố.
* Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn;
* Các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các tuyến chính ra, vào thành phố, các trục giao thông hướng tâm, nút giao lập thể tại các giao lộ lớn, các tuyến tránh đô thị, các đường vành đai đô thị và các cầu lớn.
* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng đô thị (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế

* Thực trạng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; hạ tầng kết nối (ngoài hàng rào) các khu công nghiệp, khu kinh tế với các tuyến giao thông (đường bộ, cảng biển, đường sắt, cảng hàng không), hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước…chung của tỉnh, vùng và quốc gia.
* Thực trạng đầu tư xây dựng nhà ở và các hạ tầng xã hội thiết yếu (nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, dịch vụ khám chữa bệnh…) cho lao động các khu công nghiệp.
* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng thương mại*

* Thực trạng đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, các siêu thị và trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm tại các trung tâm sản xuất và tiêu thụ hàng hoá lớn.
* Thực trạng đầu tư phát triển các chợ đầu mối nông sản, các trung tâm phân phối lớn, trung tâm bán buôn theo nhóm hàng nông sản, các cửa hàng tiện lợi ở nông thôn; các cửa hàng chuyên doanh, siêu thị và trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm tại các thành phố, tỉnh lỵ.
* Thực trạng đầu tư phát triển hệ thống thương mại điện tử.
* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thương mại (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng giáo dục và đào tạo*

* Thực trạng phát triển cấu hạ tầng cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
* Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng cho các trường dân tộc nội trú tại địa phương.
* Thực ttrạng thực hiện Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở cho giáo viên tại các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo;
* Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng cho các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề tại địa phương.
* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng khoa học và công nghệ:*

- Thực trạng phát triển các Trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCN tại địa phương; các khu công nghệ cao; công viên công nghệ; trung tâm nghiên cứu trong các trường đại học gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, ứng dụng, triển khai, thương mại hóa công nghệ mới,….

- Hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN (phục vụ các hoạt động Quản lý hành chính nhà nước, công nghệ số, iso điện tử, thống kê, truy xuất nguồn gốc, SHTT...);

- Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, ứng dụng KHCN và các hoạt động đo lượng, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn,...;

- Khu công nghệ thông tin, khu làm việc chung;

- Thị trường KH&CN, sàn giao dịch, mạng lưới khởi nghiệp và ĐMST, các cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.

* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng y tế*

* Tình hình xây dựng, cải tạo, nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, chuyên khoa lao, tâm thần, ung bướu, chuyên khoa nhi,...
* Tình hình đầu tư phát triển hệ thống cơ sở y tế dự phòng.
* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng y tế (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

*Hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch*

- Thực trạng xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp và các khu vui chơi giải trí cho trẻ em.

- Thực trạng đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá, thể thao quy mô lớn, hiện đại tại một số thành phố lớn (nếu có).

- Thực trạng đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ du lịch để phát huy thế mạnh và khai thác có hiệu quả tiềm năng của địa phương.

* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

**3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng của địa phương**

a) Ưu điểm

b) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

**III. Những vấn đề đặt ra về lý luận, thực tiễn và những vấn đề mới nảy sinh qua quá trình thực hiện PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG trên địa bàn**

1. Bối cảnh thế giới, trong nước và yêu cầu tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước những năm sắp tới.
2. Yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và đảm bảo kết nối.
3. Khả năng huy động nguồn lực thực hiện phát triển kết cấu hạ tầng theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW, Kết luận 72-KL/TW và quy hoạch tỉnh đến năm 2030.
4. Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng.
5. **Đề xuất quan điểm, mục tiêu và phương hướng phát triển HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI ĐẾN NĂM 2045**
6. **Quan điểm, mục tiêu**
7. **Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng**
8. Định hướng phát triển chung
9. Định hướng và giải pháp đối với các lĩnh vực cụ thể:
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng giao thông
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng cung cấp điện
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng thuỷ lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông và hạ tầng số
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng đô thị
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng thương mại
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng y tế
* Định hướng và giải pháp phát triển hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch
1. **Đề xuất công trình, dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm đầu tư trên địa bàn thời kỳ 2026-2030 và đến năm 2045 trên địa bàn**
* Các công trình trọng điểm quốc gia, vùng;
* Các công trình cấp tỉnh
1. **Kiến nghị**
* Đối với Trung ương Đảng;
* Đối với Quốc hội; UBTV Quốc hội;
* Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

# **PHỤ LỤC 1. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ 2021-2025**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| **TT** | **Các nguồn vốn** | **Tổng vốn đầu tư**  | **Chia theo giai đoạn** |
| --- | --- | --- | --- |
| **2011-2020** | **2021-2025** |
| **1** | **Hạ tầng giao thông** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước  |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước  |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác  |  |  |  |
| **2** | **Hạ tầng cấp điện** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **3** | **Hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **4** | **Hạ tầng thông tin và truyền thông (gồm hạ tầng số)** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **5** | **Hạ tầng đô thị**  |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **6** | **Hạ tầng thương mại (bao gồm hạ tầng logistics)** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **7** | **Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **8** | **Hạ tầng giáo dục và đào tạo**  |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **9** | **Hạ tầng khoa học và công nghệ (gồm hạ tầng đổi mới sáng tạo)** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **10** | **Hạ tầng y tế**  |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |
| **11** | **Hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch** |  |  |  |
|  | Vốn nhà nước |  |  |  |
|  | Vốn ngoài nhà nước |  |  |  |
|  | Các nguồn vốn hợp pháp khác |  |  |  |

*Ghi chú:*

*- Vốn nhà nước, gồm: đầu tư công, ODA và vay ưu đãi, trái phiếu Chính phủ.*

*- Vốn ngoài nhà nước, gồm: Tư nhân trong và ngoài nước.*

*- Các nguồn vốn hợp pháp khác, gồm: Các quỹ trong và ngoài ngân sách nhà nước,...*

# **PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ 2031-2050**

| **TT** | **Các nguồn vốn** | **Tổng vốn đầu tư** **(Tỷ đồng)** | **Chia theo giai đoạn** |
| --- | --- | --- | --- |
| **2011-2020** | **2021-2025** |
| 1 | Hạ tầng giao thông |  |  |  |
| 2 | Hạ tầng cấp điện |  |  |  |
| 3 | Hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu |  |  |  |
| 4 | Hạ tầng thông tin và truyền thông (gồm hạ tầng số) |  |  |  |
| 5 | Hạ tầng đô thị  |  |  |  |
| 6 | Hạ tầng thương mại (bao gồm hạ tầng logistics) |  |  |  |
| 7 | Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao |  |  |  |
| 8 | Hạ tầng giáo dục và đào tạo  |  |  |  |
| 9 | Hạ tầng khoa học và công nghệ (gồm hạ tầng đổi mới sáng tạo) |  |  |  |
| 10 | Hạ tầng y tế  |  |  |  |
| 11 | Hạ tầng văn hoá, thể thao và du lịch |  |  |  |